

Bản án số: 03/2022/KDTM - PT

Ngày 05/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà và ông Nguyễn Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Nguyễn Thị Đào Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 04/2022/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2021/KDMT-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Tiến Th và ông Nguyễn Anh T (Văn bản ủy quyền lại số 88/2018/UQ-VPB ngày 16/01/2018), “ông T có mặt; ông C, ông Th vắng mặt”.

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn Tr, sinh năm 1982 và chị Phùng Thị Minh Ph, sinh năm 1987; đều có địa chỉ: Phố Trà 1, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phùng Văn A, sinh năm 1959 và bà Trần Thị A1, sinh năm 1957; đều có địa chỉ: Phố Trà 1, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1969; đều có địa chỉ: Phố Cả, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tiếp theo người đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ngày 02/12/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số M1104526 cho anh Phùng Văn Tr và chị Phùng Thị Minh Ph vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, mục đích vay vốn để kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất cụ thể được tính trên từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả lãi tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, với mức lãi suất bằng 0.05%/ngày, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã tất toán đối với khế ước nhận nợ số M1104526, ngày 02/12/2011 và tiếp tục ký 02 khế ước nhận nợ. Khế ước nhận nợ M1104526/02, ngày 28/5/2012 với số tiền giải ngân là 380.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 28/5/2012. Khế ước nhận nợ số M1104526/03, ngày 30/5/2012 với số tiền giải ngân là 420.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 30/5/2012. Các bên thỏa thuận kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ của khế ước M1104526/02 vào ngày 28/11/2012 và của khế ước M1104526/03 vào ngày 30/11/2012; trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/6/2012; lãi suất vay là 18,5%/năm, kỳ hạn điều chỉnh là 03 tháng/01 lần, biên độ điều chỉnh là 7,5%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng đã nhận 02 tài sản thế chấp. Tài sản thứ nhất là Quyền sử dụng đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 38, diện tích 290m² tại tổ dân phố Trà 1, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên ông Phùng Văn A được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận ngày 17/11/2011 và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC 11059102/01/VTG ngày 02/12/2011. Tài sản thứ hai là Quyền sử dụng đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 27, diện tích 144m² tại phường H, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ bà Nguyễn Thị D1 được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận ngày 05/6/2003 và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC 11059102/02/VTG ngày 02/12/2011.

Kể từ khi vay cho đến hết ngày 06/12/2021, anh Phùng Văn Tr và chị Phùng Thị Minh Ph mới trả cho Ngân hàng được 49.469.388 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng) tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc thanh toán nợ gốc và lãi nhưng anh Tr, chị Ph không trả được. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phùng Văn Tr, chị Phùng Thị Minh Ph phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số

tiền nợ gốc, tiền nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản chi phí phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 06/12/2021 thì tổng số tiền mà anh Phùng Văn Tr, chị Phùng Thị Minh Ph còn phải trả là 3.296.954.773 đồng; trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 1.665.019.766 đồng, lãi chậm trả và lãi phạt là 831.935.008 đồng. Nếu anh Tr, chị Ph không trả nợ thì đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Phùng Văn Tr đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Phùng Thị Minh Ph trình bày: Thừa nhận lời khai của Ngân hàng về việc vay tiền, số tiền vay, thời hạn, lãi suất và việc bên thứ ba là vợ chồng ông Phùng Văn A, bà Trần Thị A1 và vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1 thế chấp tài sản khi bị đơn vay tiền là đúng. Do điều kiện khó khăn nên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ theo hợp đồng. Tính đến hết ngày 06/12/2021 vợ chồng anh mới trả cho Ngân hàng được 49.469.388 đồng tiền lãi. Hiện vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng tổng số là 3.296.954.773 đồng; trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng; tiền lãi là 1.665.019.766 đồng và phạt chậm trả lãi là 831.935.008 đồng. Do điều kiện khó khăn nên bị đơn đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần, nếu không trả được thì bị đơn cũng đồng ý phát mại tài sản thế chấp để trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn A trình bày: Ông là bố đẻ anh Phùng Văn Tr. Ông thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nên anh Tr nhờ bà Trần Thị A1 (là vợ ông) đề nghị ông cho mượn tài sản là quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên ông để thế chấp vay tiền Ngân hàng. Việc vay nợ giữa vợ chồng anh Tr với Ngân hàng như thế nào thì ông không biết vì anh Tr chỉ đem một số giấy tờ về cho ông ký và khi ký ông cũng không xem nội dung nên không biết cụ thể là những giấy tờ gì. Do làm ăn bị thua lỗ nên anh Tr đã bỏ lên Lào Cai và không liên lạc với gia đình, còn chị Ph thì bỏ về nhà mẹ đẻ khoảng 03 đến 04 năm nay. Ngân hàng khởi kiện đòi tiền anh Tr, chị Ph thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và cho anh Tr, chị Ph được trả nợ dần; ông không đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị A1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D1 được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc.

Với nội dung như trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2021/KDTM-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định.

Căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 317, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V. Buộc anh Phùng Văn Tr và chị Phùng Thị Minh Ph trả cho Ngân hàng

thương mại cổ phần Việt Nam V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/12/2021 tổng là 3.296.954.773 đồng (trong đó gốc là 800.000.000 đồng; lãi là 1.665.019.766 đồng, phạt chậm trả lãi 831.935.008 đồng) và tiếp tục thanh toán số tiền lãi, phí, chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/12/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp anh Phùng Văn Tr và chị Phùng Thị Minh Ph không thanh toán được toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V được đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 38, diện tích 290m² tại tổ dân phố Trà 1, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên ông Phùng Văn A được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032635 ngày 17/11/2011 và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC 11059102/01/VTG ngày 02/12/2011 và Quyền sử dụng đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 27, diện tích 144m² tại phường H, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên bà Nguyễn Thị D1 được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U500833 ngày 05/6/2003 và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC 11059102/02/VTG ngày 02/12/2011. Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì anh Phùng Văn Tr và chị Phùng Thị Minh Ph vẫn phải tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị Bản án số 07/2021/KDTM-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do có vi phạm về thời hiệu khởi kiện; vi phạm về việc tính lãi phạt chậm trả lãi, phạm vi tính lãi; vi phạm trong việc giải quyết yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn gây khó khăn cho công tác thi hành án; vi phạm trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật làm khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 04/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; áp dụng Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại

số 07/2021/KDTM-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc làm trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 02/12/2011 Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số M1104526 cho anh Phùng Văn Tr, chị Phùng Thị Minh Ph vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay vốn để kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất cụ thể được tính trên từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả lãi tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, với mức lãi suất bằng 0.05%/ngày, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã tất toán đối với khế ước nhận nợ số M1104526, ngày 02/12/2011 và tiếp tục ký 02 khế ước nhận nợ mới. Khế ước nhận nợ số M1104526/02, ngày 28/5/2012 với số tiền giải ngân là 380.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 28/5/2012. Khế ước nhận nợ số M1104526/03, ngày 30/5/2012 với số tiền giải ngân là 420.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 30/5/2012. Các bên thỏa thuận kỳ hạn trả nợ gốc cuối kỳ của khế ước M1104526/02 vào ngày 28/11/2012 và của khế ước M1104526/03 vào ngày 30/11/2012; trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/6/2012; lãi suất vay là 18,5%/năm, kỳ hạn điều chỉnh là 03 tháng/01 lần, biên độ điều chỉnh là 7,5%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng đã nhận 02 tài sản thế chấp. Tài sản thứ nhất là Quyền sử dụng đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 38, diện tích 290m² tại tổ dân phố Trà 1, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh Yên cấp giấy chứng nhận ngày 17/11/2011 đứng tên ông Phùng Văn A và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC 11059102/01/VTG ngày 02/12/2011. Tài sản thứ hai là Quyền sử dụng đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 27, diện tích 144m² tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh Yên cấp giấy chứng nhận ngày 05/6/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị D1 và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC 11059102/02/VTG ngày 02/12/2011.

Kể từ khi vay cho đến hết ngày 06/12/2021, thì anh Phùng Văn Tr, chị Phùng Thị Minh Ph mới trả cho Ngân hàng được 49.469.388 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng) tiền lãi. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Phùng Văn Tr, chị Phùng Thị Minh Ph phải trả tổng số tiền là 3.296.954.773 đồng; trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 1.665.019.766 đồng, lãi chậm trả và lãi phạt là 831.935.008 đồng.

Với nội dung nêu trên, Tòa cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng anh Tr, chị Ph phải trả Ngân hàng số tiền là 3.296.954.773 đồng và tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, đương sự không có kháng cáo nhưng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án là do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Các vi phạm của cấp sơ thẩm như sau:

[3.1]. Về vi phạm thủ tục tố tụng.

[3.1.1]. Vi phạm về xác định thời hiệu khởi kiện: Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Tr, chị Ph vay số tiền 800.000.000 đồng thể hiện trên 02 khế ước nhận nợ. Do anh Tr, chị Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/10/2012. Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng, đối với khoản vay 380.000.000 đồng thì anh Tr, chị Ph đã trả lãi đến ngày 18/12/2012, còn khoản vay 420.000.000 đồng thì anh Tr, chị Ph đã trả lãi đến ngày 21/02/2013. Sau đó anh Tr, chị Ph không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Đến ngày 10/01/2018, Ngân hàng mới khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết vụ án trên. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Như vậy, kể từ sau ngày anh Tr, chị Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ các khoản vay ngày 18/12/2012 và 21/02/2013 đến ngày 10/01/2018 Ngân hàng mới khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu...” do đó Ngân hàng có quyền khởi kiện anh Tr, chị Ph để đòi lại tài sản là số nợ gốc chưa trả; anh Tr, chị Ph không phải chịu tiền lãi chưa trả và Tòa án thụ lý vụ án “kiện đòi tài sản” để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.1.2]. Vi phạm trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử... Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì các biên bản niêm yết đều thể hiện chung chung tại “Phố Cả, phường H” hoặc “Phố Trà 1, phường H” mà không nêu cụ thể địa điểm nào, có phải nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của các đương sự hay không để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự là không hợp lệ, vi phạm về thủ tục niêm yết công khai theo điểm b khoản 2 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự làm cho đương sự không thể biết để đến tòa án trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, dẫn đến việc Tòa án giải quyết vắng mặt

đương sự là không đúng làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của họ theo quy định của pháp luật.

[3.1.3]. Bản án sơ thẩm quyết định buộc anh Tr, chị Ph phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng (thẩm định tài sản) với số tiền 10.000.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện việc nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, cũng như tài liệu thể hiện việc chi tiền theo quy định là chưa có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

[3.2]. Vi phạm về đường lối giải quyết vụ án.

[3.2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về việc tính lãi phạt chậm trả lãi và phạm vi tính lãi. Tại khoản 2 Điều 8 Hợp đồng tín dụng hạn mức số M1104526 ngày 02/12/2011 các bên thỏa thuận: “Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả lãi tính bằng 0,05%/ngày trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn”. Trong đơn khởi kiện cũng như trong bản tự khai, Ngân hàng đều thể hiện yêu cầu Tòa án buộc anh Tr, chị Ph phải trả cho Ngân hàng số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử là 831.935.008 đồng. Tại Bản án sơ thẩm, Tòa án đã tuyên buộc anh Tr, chị Ph phải trả cho Ngân hàng số tiền phạt chậm trả lãi là 831.935.008 đồng tính trên số nợ lãi chậm trả, đồng thời tiếp tục tính lãi sau khi xét xử sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng các quy định của pháp luật điều chỉnh về nội dung tranh chấp có hiệu lực tại thời điểm các bên giao kết và thực hiện hợp đồng để giải quyết. Việc tính lãi phải tuân thủ quy định của Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có hiệu lực tại thời điểm này quy định về giới hạn lãi suất cho vay, lãi suất cơ bản, lãi suất thỏa thuận và cách tính lãi áp dụng cho hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm xác lập và thực hiện hợp đồng không có quy định nào của pháp luật cho phép được tính lãi trên lãi đối với hợp đồng tín dụng. Do vậy, thỏa thuận của các bên tại khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng là trái luật định nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng là không đúng quy định xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của bị đơn.

Ngoài ra, theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định như sau: “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Như vậy, việc bản án sơ thẩm tuyên “Buộc anh Phùng Văn Tr và chị Phùng Thị Minh Ph ... tiếp tục thanh toán số tiền lãi, phí, chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/12/2021 cho đến khi trả hết nợ” ... là trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

[3.2.2]. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc giải quyết yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn và gây khó khăn cho công tác thi hành án. Để bảo đảm cho khoản vay của anh Tr, chị Ph thì Ngân hàng đã nhận thế chấp 02 tài sản của bên thứ ba là ông Phùng Văn A và hộ bà Nguyễn Thị D1. Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu nếu anh Tr, chị Ph không thanh toán khoản nợ trên thì đề nghị xử lý toàn bộ số tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 38, diện tích 290m² đứng tên ông Phùng Văn A. Kết quả thể hiện diện tích thực tế là 294,9m², tăng so với giấy chứng nhận 4,9m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ diện tích đất tăng thêm nhưng quyết định xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là chưa đầy đủ, toàn diện, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[4]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho các đương sự trong vụ án này là chưa hợp lệ, không đảm bảo quy định, vi phạm Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bởi lẽ, ngày 24/4/2019 Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không tổng đạt thông báo này cho bị đơn là chị Phùng Thị Minh Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tài sản thế chấp là ông Nguyễn Văn D và hộ gia đình bà Nguyễn Thị D1. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tuy nhiên trong các biên bản đều không thể hiện việc niêm yết nơi các đương sự cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của đương sự.

Do việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa cấp sơ thẩm không đúng quy định nên việc Tòa xét xử vắng mặt các đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của họ. Thấy rằng, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hủy bản án sơ thẩm số 07/2021/KDTM-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh